

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÝ

Áp dụng cho năm học 2011-2012

LỚP 6

Cả năm : 37 tuần = 35 tiết
 Học kỳ I : 19 tuần : 18 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 18 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết
 Học kỳ II : 18 tuần : 17 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 17 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết

Tuần	Tiết	Bài	Bài	Ghi chú
1	1	1,2	Đo độ dài	Mục I/ c1-c10:HS tự Ôn tập
2	2	3	Đo thể tích chất lỏng	Mục I/ HS tự Ôn tập
3	3	4	Đo thể tích vật rắn không thấm nước	//
4	4	5	Khối lượng-Đo khối lượng	Dùng cân đồng hồ thay, 1 chỉ 3,75g
5	5	6	Lực- Hai lực cân bằng	
6	6	7	Tìm hiểu KQ tác dụng của lực	
7	7	8	Trọng lực- đơn vị lực	
8	8		Kiểm tra.	
9	9	9	Lực đàn hồi	
10	10	10	Lực kế- phép đo lực	C ₇ không y/c trả lời
11	11	11	Khối lượng riêng-BT	Lựa chọn BT phù hợp
12	12	11	Trọng lượng riêng-BT	Lựa chọn BT phù hợp- Mục III bỏ
13	13	12	TH: Xác định KLR của sỏi.	
14	14	13	Máy cơ đơn giản	
15	15	14	Mặt phẳng nghiêng	
16	16	15	Đòn bẩy.	
17	17		Ôn tập	
18	18		Kiểm tra học kỳ I	
19	/		/////	
20	19	16	Ròng rọc	
21	20	17	Tổng kết chương I. Cơ học	
22	21	18	Sự nở vì nhiệt của chất rắn	C ₅ không y/c trả lời
23	22	19	Sự nở vì nhiệt của chất lỏng	
24	23	20	Sự nở vì nhiệt của chất khí	C ₈ , C ₉ không y/c trả lời
25	24	21	<u>Một số ứng dụng của SNVN</u>	TN hình 21.1 biểu diễn
26	25	22	<u>Nhiệt kế- nhiệt giai</u>	Mục 2b, 3 đọc thêm
27	26		Kiểm tra	
28	27	23	TH: Đo nhiệt độ	
29	28	24	<u>Sự nóng chảy- sự đông đặc</u>	TN 24.1 mô tả => KQ
30	29	25	<u>Sự nóng chảy- sự đông đặc (tt)</u>	
31	30,	26	<u>Sự bay hơi- sự ngưng tụ</u>	Mục C, chỉ nêu P/án TN
32	31	27	<u>Sự bay hơi- sự ngưng tụ</u>	
33	32	28	Sự sôi	TN 28.1 biểu diễn
34	33	29	Sự sôi(tt)	
35	34		Kiểm tra học kỳ II'	
36	35	30	Tổng kết chương II. Nhiệt học	
37	/		/////	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÝ LỚP 7

Cả năm : 37 tuần = 35 tiết

Học kỳ I : 19 tuần : 18 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 18 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết

Học kỳ II : 18 tuần : 17 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 17 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết

Tuần	Tiết	Bài	Bài	Ghi chú
1	1	1	<u>Nhận biết ánh sáng</u>	Bỏ mục II
2	2	2	<u>Sự truyền ánh sáng</u>	
3	3	3	<u>Ứng dụng định luật truyền thẳng ánh sáng</u>	
4	4	4	<u>Định luật phản xạ ánh sáng</u>	
5	5	5	<u>Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng</u>	
6	6	6	TH: Quan sát và vẽ ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng	
7	7	7	<u>Gương cầu lồi</u>	
8	8	8	<u>Gương cầu lõm</u>	
9	9	9	Tổng kết chương I	
10	10		Kiểm tra	
11	11	10	<u>Nguồn âm</u>	C ₈ , C ₉ bỏ
12	12	11	<u>Độ cao của âm</u>	C ₅ , C ₇ bỏ
13	13	12	<u>Độ to của âm</u>	
14	14	13	Môi trường truyền âm	TN14.2 bỏ
15	15	14	<u>Phản xạ âm- tiếng vang</u>	
16	16	15	<u>Chống ô nhiễm tiếng ồn</u>	
17	17		Kiểm tra học kỳ I	
18	18	16	<u>Tổng kết chương II</u>	Bỏ t/hiệu CĐ
19	/		/////	
20	19	17	<u>Sự nhiễm điện do cọ xát</u>	
21	20	18	<u>Hai loại điện tích.</u>	
22	21	19	Dòng điện- nguồn điện	
23	22	20	Chất dẫn điện-chất cách điện-Dòng điện trong kim loại.	
24	23	21	Sơ đồ mạch điện- chiều dòng điện.	
25	24	22	<u>Tác dụng nhiệt và tác dụng phát sáng của dòng điện.</u>	
26	25	23	<u>Tác dụng từ, tác dụng hoá học và tác dụng sinh lý của dòng điện</u>	
27	26		Ôn tập	
28	27		Kiểm tra	
29	28	24	Cường độ dòng điện	
30	29	25	Hiệu điện thế	
31	30	26	Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ dùng điện.	
32	31	27	TH: Đo cường độ dòng điện và HĐT đối với đoạn mạch nối tiếp	
33	32	28	TH: Đo cường độ dòng điện và HĐT đối với đoạn mạch song song.	
34	33	29	<u>An toàn khi sử dụng điện.</u>	
35	34		Kiểm tra học kỳ II	
36	35	30	Tổng kết chương III.	
37	//		////////	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÝ 8

Cả năm : 37 tuần = 35 tiết
 Học kỳ I : 19 tuần : 18 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 18 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết
 Học kỳ II : 18 tuần : 17 tuần đầu x 1 tiết/tuần = 17 tiết; 01 tuần cuối : 0 tiết

Tuần	Tiết	Bài	Bài	Ghi chú
1	1	1	Chuyển động cơ học.	
2	2	2	Vận tốc.	9km/h:độ lớn v,tđộ<->đlớn v
3	3	3	Chuyển động đều - chuyển động ko đều.	TN 3.1 không bb(bỏ)
4	4	4	Biểu diễn lực.	
5	5	5	Sự cân bằng lực- Quán tính	TN 5.3 ko làm, lấy KQTN
6	6	6	<u>Lực ma sát</u>	
7	7	7	<u>Áp suất</u>	
8	8	8	<u>Áp suất chất lỏng</u>	<i>Chia làm 2 tiết</i>
9	9		<u>Bình thông nhau- Máy nén thủy lực</u>	
10	10		Kiểm tra	
11	11	9	<u>Áp suất khí quyển</u>	Mục II ko dạy, C10,C11 bỏ
12	12	10	<u>Lực đẩy Ac si mét.</u>	TN10.3 mô tả-> tl C3, C7 bỏ
13	13	11	Thực hành: Nghiệm lại lực đẩy Ac si mét.	
14	14	13	<u>Sự nổi.</u>	
15	15	13	<u>Công cơ học</u>	
16	16	14	<u>Định luật về công</u>	
17	17	15	<u>Công suất</u>	<i>Lưu ý: P của ô tô và t/bị điện</i>
18	18		<u>Kiểm tra học kỳ I</u>	
19	//		<u>Ôn tập</u>	
20	19		////////	
21	20	16	<u>Cơ năng</u>	T/năng HD <=> TN trọng trng
		17	<u>Sự chuyển hoá và bảo toàn cơ năng</u>	Bỏ
22	21	18	Câu hỏi và bài tập TK chương I: Cơ học	Ý 2 câu 16,17 bỏ
23	22	19	Các chất được cấu tạo như thế nào?	
24	23	20	Nguyên tử, phân tử, cđg hay đứng yên?	
25	24	21	Nhiệt năng	
26	25		Kiểm tra	
27	26	22	Dẫn nhiệt	
28	27	23	<u>Đối lưu- Bức xạ nhiệt</u>	
29	28	24	Công thức tính nhiệt lượng	TN 24.1,2,3 mô tả=>xli->KQ
30	29	25	Phương trình cân bằng nhiệt	Chỉ xét Btoán 2 vật TĐ T ⁰ _{ht}
31	30	26	<u>Năng suất toả nhiệt của nhiên liệu.</u>	Đọc thêm
32	31	27	<u>Sự bảo toàn nlg trong các htg cơ và nhiệt</u>	Không dạy
33	32	28	<u>Động cơ nhiệt</u>	Đọc thêm
34	33	29	Câu hỏi và bài tập tổng kết.	<u><i>L/ý: Các bài không dạy, đọc</i></u>
35	34		Kiểm tra học kỳ II	<u><i>thêm thì giải BT,luyện tập,</i></u>
36	35		Ôn tập	<u><i>HD thực hành</i></u>
37	//		/////	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÝ LỚP 9

Cả năm : 37 tuần = 70 tiết

Học kỳ I : 19 tuần : 18 tuần đầu x 2 tiết/tuần = 36 tiết; 02 tuần cuối : mỗi tuần 01 tiết

Học kỳ II : 18 tuần : 17 tuần đầu x 2 tiết/tuần = 34 tiết; 02 tuần cuối : mỗi tuần 01 tiết

Tuần	Tiết	Bài	Bài	Ghi chú
1	1	1	Sự p/thuoc của cddd vào hđt giữa 2 đầu vật dẫn.	C5,C6 ko trả lời
1	2	2	Điện trở của dây dẫn- định luật ôm	
2	3	3	TH: Xác định R của một dây dẫn bằng A và V.	
2	4	4	Đoạn mạch nối tiếp.	
3	5	5	Đoạn mạch song song	
3	6	6	Bài tập vận dụng định luật ôm	
4	7	7	Sự phụ thuộc của R vào chiều dài dây dẫn	
4	8	8	Sự phụ thuộc của R vào tiết diện dây dẫn.	
5	9	9	<u>Sự phụ thuộc của R vào vật liệu làm dây dẫn</u>	
5	10	10	Biến trở- R dùng trong kỹ thuật	
6	11	11	Bài tập vận dụng đl ôm và công thức tính R	
6	12	12	<u>Công suất điện</u>	
7	13	13	Điện năng- công của dòng điện	Mục II/ xđ P quạt bỏ TN 16.1 ko dạy
7	14	14	Bài tập về công suất điện và năng sử dụng	
8	15	15	TH: Xác định công suất của các dụng cụ điện	
8	16	16	<u>Định luật Jun – len xơ</u>	
9	17	17	Bài tập vận dụng định luật Jun – len xơ	Không bb (bỏ)
9	18		Ôn tập	
10	19	18	TH: Kiểm nghiệm mối quan hệ giữa Q và I ²	
10	20	19	<u>Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện</u>	
11	21	20	Tổng kết chương I: Điện học	Mục II.2/ Ứng dụng <bỏ> Mục II/ Đc 1c trong KT(bỏ) Không bb(bỏ)
11	22		Kiểm tra 1 tiết	
12	23	21	Nam châm vĩnh cửu	
12	24	22	<u>Tác dụng từ của dòng điện- từ trường</u>	
13	25	23	Từ phổ- đường sức từ	
13	26	24	Từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua	
14	27	25	<u>Sự nhiễm từ của sắt và thép- nam châm điện.</u>	
14	28	26	Ứng dụng của nam châm	
15	29	27	<u>Lực điện từ</u>	
15	30	28	<u>Động cơ điện 1 chiều</u>	
16	31	29	TH và KT thực hành: Nam châm vĩnh cửu	
16	32	30	BTVD QT nắm tay phải và QT bàn tay trái	
17	33	31	Hiện tượng cảm ứng điện từ	
17	34	32	<u>Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng .</u>	
18	35		<u>Kiểm tra học kỳ I</u>	
18	//		////////	

19	36		Ôn tập	
19	//		////////	
20	37	33	<u>Dòng điện xoay chiều</u>	
20	38	34	Máy phát điện xoay chiều	
21	39	35	<u>Các tác dụng của dòng điện xoay chiều</u>	
21	40	36	<u>Truyền tải điện năng đi xa</u>	
22	41	37	<u>Máy biến thế</u>	
22	42	38	TH: Vận hành máy phát điện và máy biến thế	Không bb (bỏ)
23	43	39	Tổng kết chương II	
23	44	40	<u>Hiện tượng khúc xạ ánh sáng</u>	Mục II/ Có thể đổi p/án TN
24	45	41	Quan hệ giữa góc tới và góc khúc xạ	Không dạy (bỏ)
24	46	42	Thấu kính hội tụ	C4/ bỏ ý : tìm cách kt đ/này
25	47	43	Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ	
25	48	44	Thấu kính phân kỳ	
26	49	45	Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ	
26	50		Kiểm tra	
27	51	46	TH và KTTH : đo tiêu cự của TKHT	
27	52	47	Sự tạo ảnh trên phim trong máy ảnh	
28	53		Ôn tập	
28	54	48	<u>Mắt</u>	
29	55	49	<u>Mắt cận mắt lão</u>	
29	56	50	<u>Kính lúp</u>	
30	57	51	Bài tập quan hình học	
30	58	52	<u>Ánh sáng trắng và ánh sáng màu</u>	
31	59	53	<u>Sự phân tích ánh sáng trắng</u>	
31	60	54	Sự trộn các ánh sáng màu	Đọc thêm
32	61	55	<u>Màu sắc các vật</u>	
32	62	56	<u>Các tác dụng của AS dưới AS trắng và AS màu</u>	
33	63	57	TH: Nbiết AS đ/sắc và AS k0 đ/sắc bằng đĩa CD	
33	64	58	Tổng kết chương III	
34	65	59	Năng lượng và sự chuyển hoá năng lượng	
34	66	60	<u>Định luật bảo toàn năng lượng</u>	TN 60.2 ko bb
35	67	61	<u>Sản xuất điện năng- Nhiệt điện và thủy điện</u>	Không dạy
35	68	62	<u>Điện gió- điện mặt trời- điện hạt nhân</u>	Không dạy
36	69		Kiểm tra học kỳ II	<u>L/ý: Các bài không dạy,</u>
36	//		////////	<u>đọc thêm thì giải BT,luyện</u>
37	70		Ôn tập	<u>tập, HD thực hành</u>
37	//		////////	

Phước Hiệp, ngày 20 tháng 8 năm 2011

Người lập

GVBM

Ký duyệt của
nhà trường

Ký duyệt của
Tổ trưởng

Lê Xuân Thiệt